

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
XÃ SÓP CỘP Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 30/NQ-HĐND

Sốp Cộp, ngày 18 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ SÓP CỘP
KHÓA XXI, KỲ HỌP THỨ BA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 8597/BTC-TH ngày 18/6/2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn đánh giá thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2025, dự kiến Kế hoạch phát triển KTXH năm 2026; Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 11/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh, các sở, ban, ngành và địa phương được giao nhiệm vụ xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH năm 2026;

Xét Tờ trình số 150/TTr-UBND ngày 10/12/2025 của UBND xã Sốp Cộp về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của HĐND xã về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026; Báo cáo thẩm tra số 166/BC - KTNS ngày 17/12/2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND xã, ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026.

1. Mục tiêu và các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2026

1.1. Mục tiêu

Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hoá, phát huy lợi thế, tập trung phát triển nông nghiệp và nông thôn, nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh; thúc đẩy ứng dụng khoa học và công nghệ, chuyển đổi số vào sản xuất. Quan tâm phát triển nguồn nhân lực, giáo dục - đào tạo, văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Quản lý chặt chẽ tài nguyên, sử dụng đất, bảo vệ môi trường, chủ động các biện pháp phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, rào cản cho người dân, doanh nghiệp. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; quyết liệt phòng chống tham nhũng, lãng

phí. Cùng cố quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội; đảm bảo an toàn đường biên, mốc giới; duy trì quan hệ hợp tác hữu nghị với các xã, huyện giáp ranh nước bạn Lào. Phân đấu hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

1.2. Các chỉ tiêu chủ yếu năm 2026: 19 chỉ tiêu (có Biểu chi tiết kèm theo).

1.2.1. Các chỉ tiêu về kinh tế (6 chỉ tiêu)

(1) Tốc độ tăng tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã đạt 4%. Thu ngân sách trên địa bàn đạt trên 15.351 triệu đồng.

(2) Sản lượng một số loại cây trồng, sản phẩm chăn nuôi, thủy sản chủ yếu

- Cây lương thực có hạt đạt 6.042 tấn.

- Số lượng đàn gia súc đạt 15.247 con.

- Diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 132,2 ha.

(3) Số hộ, số lao động kinh tế cá thể tham gia hoạt động nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản đạt 4.686 hộ.

(4) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 23,7%.

(5) Tỷ lệ che phủ rừng đạt 48,5%.

(6) Số doanh nghiệp, công ty tư nhân có trụ sở, hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn đạt 46 đơn vị.

1.2.2. Các chỉ tiêu về xã hội, môi trường (13 chỉ tiêu)

(7) Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 50% (05/10 trường).

(8) Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm bình quân/năm giảm tối thiểu 4%.

(9) Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 98%.

(10) Số bản đạt chuẩn nông thôn mới: Duy trì, nâng cao các tiêu chí tại 02 bản đạt chuẩn nông thôn mới; Phân đấu số bản đạt dưới 05 tiêu chí: 16 bản, số bản đạt từ 5-10 tiêu chí: 12 bản, số bản từ 10-12 tiêu chí: 07 bản, số bản đạt từ 13-15 tiêu chí: 02 bản.

(11) Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa đạt 100%.

(12) Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện đạt 100%.

(13) Tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo trong tổng chi thường xuyên ngân sách hằng năm đạt 0,6%.

(14) Tỷ lệ số bản có băng rộng cố định đạt 70,7% (29/41 bản).

(15) Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt đạt 95%.

(16) Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 100% (tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch 50,6%).

(17) Tỷ lệ nhà văn hóa bản đạt chuẩn theo quy định đạt 73% (30/41 bản); Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu "Gia đình văn hóa" đạt 84%.

(18) Tỷ lệ cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự" đạt 100%; Tỷ lệ khu dân cư, bản, xã đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự" đạt 100%.

(19) Tỷ lệ khu dân cư (bản) đạt tiêu chuẩn "không có ma tuý" đạt 90,2% (37/41 bản).

2. Định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực

2.1. Về kinh tế

2.1.1. Về sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản

Trồng trọt: Đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào quy trình canh tác, thực hiện đưa các giống mới vào sản xuất; phân đầu tư diện tích cây lương thực trên đất dốc phù hợp với tình hình thị trường, phát triển các loại cây trồng theo quy hoạch. Chăm sóc tốt, phát triển nhân rộng diện tích cây công nghiệp, cây ăn quả (*Cà phê, cây sắn, cam, quýt...*) với quy mô phù hợp với quy hoạch. Phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao; xây dựng, phát triển vùng sản xuất hàng hóa với sản phẩm có lợi thế, gắn kết thị trường tiêu thụ và hiệu quả kinh tế bền vững; chuyển đổi diện tích trồng lúa không hiệu quả sang cây trồng ngắn ngày.

Chăn nuôi: Tiếp tục phát triển giống vật nuôi có chất lượng cao phục vụ sản xuất, thúc đẩy phát triển chăn nuôi theo hướng bền vững, hiệu quả, an toàn sạch và liên kết có sự tham gia của các hợp tác xã, các hộ gia đình; tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh, chống đói, rét cho đàn gia súc, gia cầm. Tập trung thực hiện chính sách phát triển chăn nuôi tại bản đặc biệt khó khăn theo kết luận 703-KL/TU ngày 30/8/2022 của Ban Thường vụ tỉnh ủy và Nghị quyết số 156/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Sơn La.

Lâm nghiệp: Tăng cường công tác quản lý và bảo vệ, khôi phục và phát triển vốn rừng, đặc biệt là các khu rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng đầu nguồn; chú trọng phát triển trồng rừng liên kết giữa các doanh nghiệp, Hợp tác xã với người dân; trồng mới rừng tập trung theo hướng liên vùng, liên khoảnh. Phân đầu tư năm 2026 tỷ lệ che phủ rừng đạt 48,5%.

Thủy sản: Khuyến khích khai thác diện tích mặt nước hiện có và tăng số hộ nuôi trồng thủy sản, đặc biệt là nhân rộng mô hình nuôi các loại thủy sản đặc sản có hiệu quả kinh tế cao, các mô hình thủy sản đã được triển khai có hiệu quả.

Phòng chống lũ báo, giảm nhẹ thiên tai: Chủ động chuẩn bị các phương án phòng chống thiên tai có thể xảy ra trên địa bàn xã (*mưa lũ, gió lốc, hạn hán, rét đậm rét hại, cháy rừng...*), chủ động ứng phó kịp thời trong mọi tình huống.

2.1.2. Phát triển doanh nghiệp và kinh tế tập thể

Cải thiện môi trường kinh doanh, tạo môi trường thuận lợi để kinh tế tập thể phát triển. Củng cố, nâng cao năng lực hoạt động của hợp tác xã hiện có, khuyến

khích các hợp tác xã mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, phát triển số lượng thành viên, tăng cường huy động vốn để mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh.

Khuyến khích sản xuất và kinh doanh các mặt hàng nông sản địa phương có thể mạnh, có khả năng cạnh tranh cao; phát triển các sản phẩm tiêu thủ công nghiệp mang đậm bản sắc văn hóa, tận dụng nguồn nguyên liệu sẵn có của địa phương (*dệt thổ cẩm...*). Hỗ trợ các hộ kinh doanh, hợp tác xã hình thành chuỗi sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm, đảm bảo chất lượng và truy xuất nguồn gốc. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát sản xuất buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng, vi phạm vệ sinh an toàn thực phẩm, buôn lậu, gian lận thương mại.

2.1.3. Tài chính - ngân hàng

Điều hành dự toán thu chi ngân sách năm 2026 theo chỉ đạo của UBND tỉnh, phân đầu thu ngân sách trên địa bàn đạt trên 15.351 triệu đồng. Triệt để tiết kiệm trong chi ngân sách, mua sắm tài sản công, tổ chức hội nghị, họp tổng kết...; cắt giảm một số khoản chi không thiết yếu, đảm bảo đáp ứng kịp thời các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh, kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội, kinh phí cải cách tiền lương, sự nghiệp giáo dục và đào tạo, sự nghiệp y tế.

Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay các chương trình tín dụng ưu đãi, hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, học sinh sinh viên, lao động đi làm việc ở nước ngoài, phát triển sản xuất kinh doanh tại địa phương.

2.1.4. Đầu tư và phát triển

Tập trung nguồn lực cho các dự án trọng điểm, dự án có sức lan toả tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và cải thiện đời sống người dân. Đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nhằm đảm bảo tiến độ và chất lượng các công trình; quyết toán các công trình, dự án hoàn thành theo đúng quy định.

2.1.5. Tài nguyên - môi trường và phát triển bền vững

Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường trên địa bàn xã; tập trung tháo gỡ khó khăn vướng mắc bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng các dự án trên địa bàn xã; tăng cường công tác, kiểm tra nhằm ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các vụ việc vi phạm việc chấp hành pháp luật lĩnh vực tài nguyên và môi trường đối với các tổ chức và cá nhân trên địa bàn xã; tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa.

Tiếp tục hướng dẫn thực hiện Quy hoạch sử dụng đất đến 2030, tầm nhìn đến 2050; thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2026. Đẩy nhanh việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhân dân; hướng dẫn, giải quyết kịp thời các trường hợp chuyên mục đích sử dụng đất, chỉnh lý biên động cho các hộ gia đình, cá nhân.

2.1.6. Công tác triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia góp phần xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm

Tiếp tục đẩy mạnh phát triển sản xuất, khai thác tiềm năng, lợi thế, đổi mới sáng tạo, nâng cao thu nhập, ổn định đời sống của đồng bào các dân tộc; giảm nghèo nhanh, bền vững; xây dựng hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ; phát triển toàn

diện giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số đi đôi với xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu; thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số có đủ về cơ cấu, phẩm chất, năng lực đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc; bảo đảm quốc phòng, an ninh; xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh; củng cố, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước.

Huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị và nguồn lực của toàn xã hội vào công tác giảm nghèo bền vững, từng bước nâng cao mức sống và chất lượng sống cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; triển khai đồng bộ, có hiệu quả các chính sách có liên quan hỗ trợ phát triển sản xuất; nâng cao ý thức, trách nhiệm của người dân tự vươn lên thoát nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản (*việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, thông tin*), nâng cao chất lượng cuộc sống; chú trọng đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế, xã hội; giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người nghèo, góp phần bảo đảm an sinh xã hội và thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đẩy nhanh tốc độ giảm nghèo, hạn chế tái nghèo nhằm đạt mục tiêu giảm nghèo bền vững. Phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo tối thiểu 4%/năm.

Phát động phong trào thi đua "*Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau*" trên địa bàn xã. Phân công trách nhiệm giúp đỡ hộ nghèo, tạo điều kiện và động viên, khuyến khích các hộ tham gia đăng ký thoát nghèo; tập trung các nguồn lực ưu tiên hỗ trợ, hướng dẫn những hộ đăng ký thoát nghèo phát triển sản xuất, có việc làm bền vững, thu nhập ổn định.

Tập trung đầu tư phát triển đồng bộ tất cả các nhóm tiêu chí nông thôn mới cụ thể: Về Hạ tầng kinh tế - xã hội, Kinh tế và tổ chức sản xuất, Văn hóa - Xã hội - Môi trường, Hệ thống chính trị. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng nông thôn mới theo hướng: có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phù hợp; cơ cấu kinh tế và các mô hình tổ chức sản xuất hợp lý, gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị; nông thôn dân chủ bình đẳng, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái, an ninh chính trị, an ninh biên giới được giữ vững ổn định. Duy trì, nâng cao các tiêu chí tại 02 bản đạt chuẩn nông thôn mới; Phấn đấu số bản đạt dưới 05 tiêu chí: 16 bản, số bản đạt từ 5-10 tiêu chí: 12 bản, số bản từ 10-12 tiêu chí: 07 bản, số bản đạt từ 13-15 tiêu chí: 02 bản.

2.2. Các lĩnh vực xã hội

2.2.1. An sinh xã hội

Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, chăm lo kịp thời các đối tượng chính sách, người có công với cách mạng. Đẩy mạnh công tác vận động ủng hộ các quỹ "Đền ơn đáp nghĩa", quỹ "Vì người nghèo" và các hoạt động xã hội nhân đạo, từ thiện; tiếp tục mở rộng đối tượng, linh hoạt trong vay vốn phát triển kinh tế, giải quyết việc làm, phối hợp với các Trung tâm, công ty hoạt động trong lĩnh vực tư vấn lao động, giới thiệu việc làm đẩy mạnh tuyên truyền nhân dân tham gia xuất khẩu lao động có hợp đồng, tăng thu nhập cho người dân, phấn đấu năm 2026 tỷ lệ hộ

nghèo giảm tối thiểu 4% so với năm 2025, đảm bảo an sinh xã hội, quan tâm chăm lo cho người khuyết tật, trẻ em yếu thế, không để ai bị bỏ lại phía sau.

2.2.2. Giáo dục - đào tạo

Hoàn thành chỉ tiêu Kế hoạch phát triển giáo dục địa phương năm học 2025-2026; triển khai kế hoạch phát triển giáo dục năm học 2026-2027, trong đó tập trung cao xây dựng trường nội trú xã theo chủ trương của Bộ chính trị, sắp xếp các trường liên cấp thành trường đơn cấp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, đội ngũ, 100% giáo viên đạt chuẩn, trên chuẩn về trình độ đào tạo. Sau sắp xếp chủ động rà soát xây dựng kế hoạch xây dựng trường chuẩn quốc gia; duy trì công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, thực hiện chủ trương phổ cập giáo dục trẻ 3-4 tuổi.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong ngành giáo dục; cập nhật đầy đủ thông tin theo yêu cầu trên cơ sở dữ liệu toàn ngành, kết nối thông suốt với tất cả các cơ sở giáo dục đảm bảo cung cấp thông tin quản lý đầy đủ, tin cậy và kịp thời; được kết nối và chia sẻ hiệu quả với các cơ sở dữ liệu của tỉnh và quốc gia.

Đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập gắn với phong trào xây dựng “gia đình học tập”, “dòng họ học tập”, “cộng đồng học tập”, “đơn vị học tập” thực hiện tốt công tác thi đua, tôn vinh, biểu dương, khen thưởng kịp thời.

2.2.3. Công tác y tế

Thực hiện có hiệu quả Chương trình y tế quốc gia, tiêm chủng mở rộng; tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia phòng chống dịch bệnh. Thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh cho người dân đặc biệt quan tâm đến dân tộc thiểu số, người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội và trẻ em dưới 6 tuổi theo quy định. Làm tốt công tác quản lý nhà nước về y tế, thực hiện kiểm tra, giám sát thường xuyên. Phần đầu tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế 98%.

2.2.4. Văn hóa, thể thao

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, các ngày lễ lớn trên các nền tảng truyền thông; tăng cường các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao và du lịch, giữ gìn và bảo tồn các lễ hội truyền thống của các dân tộc trên địa bàn, gắn với nâng cao chất lượng thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, xây dựng môi trường sống lành mạnh, không có tệ nạn xã hội. Phần đầu hết năm 2026, tỷ lệ gia đình đạt danh hiệu “Gia đình văn hóa” đạt 84%. Tổ chức hội thi, hội diễn văn hóa văn nghệ quần chúng, các giải thi đấu, giao hữu thể dục, thể thao nhân dịp các ngày lễ, tết, các sự kiện chính trị quan trọng, góp phần nâng cao sức khỏe và đời sống văn hóa tinh thần cho người dân, giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc.

Cụ thể hóa các chủ trương, Nghị quyết của cấp trên về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đẩy mạnh đầu tư hạ tầng công nghệ, tăng tỷ lệ bản được phủ băng rộng cố định (Internet cáp quang) lên 70,7% (29/41 bản) để mọi người dân được tiếp cận và sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin vào sản xuất và đời sống.

2.3. Đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, và phòng, chống tham nhũng

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và kỹ thuật trong công tác văn thư để rút ngắn thời gian gửi, nhận văn bản, giảm văn bản, giấy tờ hành chính trong các cơ quan, đơn vị; đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp về cải cách hành chính; tiếp tục rà soát tổ chức bộ máy, biên chế của các cơ quan hành chính nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện việc bố trí sắp xếp, tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức theo đúng quy định.

Thực hiện nghiêm các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý ngân sách, công khai ngân sách, công khai quản lý sử dụng tài sản công, ngừng các nhiệm vụ chi chưa thật sự cấp bách, nội dung không thiết thực. Đẩy mạnh thông tin, phổ biến pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước có liên quan đến thực hành tiết kiệm, chống lãng phí với các hình thức đa dạng nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm, ý nghĩa của công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đến các cơ quan, đơn vị; tăng cường công tác kiểm tra việc sử dụng kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước, kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia; thực hiện có hiệu quả kế hoạch thực hành tiết kiệm chống lãng phí chi tiết, cụ thể kết hợp với việc bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ tại các cơ quan, đơn vị.

Thực hiện nghiêm việc công khai, minh bạch các hoạt động của cơ quan, đơn vị; các chế độ, tiêu chuẩn, định mức; chuyển đổi vị trí công tác; kiểm soát xung đột lợi ích; công tác kê khai, công khai minh bạch tài sản thu nhập, công tác tự kiểm tra nội bộ. Tăng cường việc áp dụng khoa học, công nghệ trong quản lý để phát huy hiệu quả phòng ngừa tham nhũng.

2.4. Về quốc phòng - an ninh và đối ngoại

Tiếp tục nắm, dự báo tình hình lãnh đạo thực hiện hiệu quả nhiệm vụ quốc phòng - quân sự địa phương, nâng cao chất lượng hoạt động khu vực phòng thủ. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên vững mạnh; đẩy mạnh huấn luyện, diễn tập theo kế hoạch. Thực hiện tốt công tác tuyển quân năm 2026 và công tác giáo dục Quốc phòng - An ninh tới mọi đối tượng. Bảo đảm tốt hậu cần, kỹ thuật phục vụ nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu.

Chủ động nắm chắc tình hình địa bàn, dư luận quần chúng, nhất là những yếu tố liên quan đến an ninh quốc gia và hoạt động tôn giáo; tăng cường phối hợp với các lực lượng vũ trang đứng chân trên địa bàn và các ngành liên quan trong công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân, kịp thời phát hiện, xử lý các vụ việc phát sinh ngay từ cơ sở. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị trong việc nắm tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, quản lý học sinh, các đối tượng tù tha về, án treo, nhất là trong dịp trước, trong và sau Tết Nguyên đán. Thực hiện tốt công tác quản lý hộ tịch, hộ khẩu, cư trú, kiểm tra khách vắng lâu, tạm trú, tạm vắng theo đúng quy định của pháp luật. Tăng cường công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông, kiểm tra hành lang khu trung tâm xã; thực hiện thường xuyên công tác phòng cháy, chữa cháy, quản lý vũ khí, vật liệu nổ, pháo theo quy định. Triển khai đồng bộ, quyết

liệt các giải pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật, tập trung vào các hành vi phổ biến trên địa bàn như tội phạm ma túy, gây rối trật tự công cộng, cố ý gây thương tích; tiếp tục đấu tranh, xử lý nghiêm các loại tội phạm, nhất là tội phạm ma túy nhằm giữ vững an ninh, trật tự trên địa bàn.

Duy trì củng cố và phát triển mối quan hệ đoàn kết, hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện với huyện Muồng Son, tỉnh Hủa Phăn của nước bạn Lào Duy trì thường xuyên các hoạt động trao đổi, tiếp xúc giữa chính quyền hai bên; kịp thời phối hợp xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến biên giới, an ninh trật tự và đời sống Nhân dân khu vực hai bên biên giới. Tạo điều kiện thuận lợi cho Nhân dân hai bên qua lại biên giới thăm thân, khám chữa bệnh, trao đổi hàng hóa theo đúng quy định của pháp luật và Hiệp định về Quy chế biên giới Việt Nam - Lào; đẩy mạnh tuyên truyền Nhân dân chấp hành nghiêm các quy định khi qua lại biên giới, phòng ngừa vi phạm xuất nhập cảnh. Làm tốt công tác giao ban định kỳ với huyện biên giới của nước bạn Lào đảm bảo đúng theo Quy chế.

3. Các nhóm giải pháp chủ yếu

3.1. Tiếp tục triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển; tập trung tháo gỡ khó khăn, cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh

Triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả các Chương trình hành động của Chính phủ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 01/8/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã nhiệm kỳ 2025-2030 phù hợp với điều kiện thực tiễn của xã.

Tiếp tục công khai, minh bạch quy trình, thủ tục hành chính đơn giản, dễ hiểu, dễ tra cứu, cập nhật thường xuyên đầy đủ thông tin đối với các quy trình thủ tục hành chính, các quy hoạch về sử dụng đất, quy hoạch ngành, quy hoạch chung xây dựng; các thông tin về ngân sách, mời thầu... để nhà đầu tư, cộng đồng doanh nghiệp dễ tiếp cận và tìm hiểu cơ hội đầu tư, kinh doanh. Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính để giảm thời gian thực hiện thủ tục và chi phí cho doanh nghiệp, người dân, tạo môi trường thuận lợi thúc đẩy sản xuất kinh doanh; đẩy mạnh phát triển công nghệ thông tin, từng bước thực hiện chính phủ điện tử cải tiến hình thức cung cấp dịch vụ công theo hướng trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp, mọi lúc, mọi nơi.

Tập trung tháo gỡ khó khăn, cải cách thủ tục hành chính, thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; tăng cường đối thoại, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật đối với người dân, doanh nghiệp, giảm thiểu rủi ro pháp lý và chi phí tuân thủ pháp luật đối với xã hội, tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật của người dân và doanh nghiệp.

đặc biệt khó khăn theo Kết luận số 703-KL/TU ngày 30/8/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể trên địa bàn xã, nòng cốt là phát triển hợp tác xã. Cùng cố, nâng cao năng lực hoạt động của hợp tác xã hiện có, khuyến khích các hợp tác xã mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, phát triển số lượng thành viên, tăng cường huy động vốn để mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh; tăng cường hợp tác, liên kết với doanh nghiệp thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm.

3.4. Phát triển kinh tế đi đôi với bảo đảm an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa - xã hội

Nâng cao năng lực và hiệu quả công tác khám chữa bệnh ban đầu cho nhân dân. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và tinh thần thái độ phục vụ tại cơ sở điều trị. Thực hiện đồng bộ các giải pháp để phát triển dân số bền vững, kiểm soát tốc độ tăng dân số, hạn chế mất cân bằng giới tính khi sinh, nâng cao chất lượng dân số.

Xây dựng và phát triển văn hóa toàn diện, bền vững, tiên tiến, xây dựng, hoàn thiện nhân cách, chuẩn mực đạo đức, bản sắc, bản lĩnh, hệ giá trị con người, gia đình Việt Nam. Nâng cao đời sống tinh thần, khả năng tiếp cận, thụ hưởng văn hóa, nhu cầu tập luyện, giải trí của Nhân dân, thu hẹp sự chênh lệch trong thụ hưởng văn hóa giữa các vùng, miền, các tầng lớp dân cư, giới tính, từ đó nâng cao năng suất lao động, hiệu quả công việc; tiếp tục thực hiện nâng cao chất lượng giáo dục, nhất là chất lượng dạy và học ngoại ngữ, tin học; chú trọng công tác đảm bảo an sinh xã hội, thực hiện giảm nghèo bền vững; làm tốt công tác chăm sóc các đối tượng chính sách, đối tượng xã hội. Đẩy mạnh tư vấn, giới thiệu việc làm, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp và dịch vụ.

Đẩy mạnh công tác thông tin truyền thông đảm bảo công khai, minh bạch, kịp thời và hiệu quả, tạo sự đồng thuận xã hội, đấu tranh chống lại các thông tin xuyên tạc, sai sự thật, chống phá chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông hiện đại, an toàn, cung cấp các dịch vụ viễn thông với chất lượng tốt, giá cước hợp lý trên cơ sở cạnh tranh nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của người sử dụng dịch vụ. Triển khai có hiệu quả Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; tập trung chuyển đổi số để tạo nền tảng, cơ sở cho hoàn thiện chính quyền điện tử, hướng tới chính quyền số; tập trung cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

3.5. Phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Thực hiện Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”. Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo. Tập trung các giải pháp thực hiện Chương trình phổ thông 2018 nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, ưu tiên đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số ngành giáo dục; đẩy mạnh

Nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, chú trọng rà soát, cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính không còn phù hợp, bảo đảm thực chất, hiệu quả để giảm thời gian thực hiện thủ tục và chi phí cho doanh nghiệp, người dân; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, từng bước thực hiện chính phủ điện tử, cải tiến hình thức cung cấp dịch vụ công theo hướng trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp, mọi lúc, mọi nơi.

3.2. Huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực cho đầu tư phát triển gắn với phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

Tổ chức điều hành dự toán chi ngân sách đảm bảo yêu cầu siết chặt kỷ cương, kỷ luật tài chính; chủ động sử dụng dự phòng nguồn lực tại chỗ để chi phòng, chống dịch bệnh và các nhiệm vụ chi quan trọng, cấp bách, đột xuất phát sinh theo quy định. Tăng cường quản lý, chống thất thu, chuyển giá, gian lận thương mại, trốn thuế. Phần đầu thu ngân sách trên địa bàn trong năm 2026 đạt 15.351 triệu đồng.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng đồng bộ, từng bước hiện đại, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh và bền vững. Triển khai hiệu quả vốn đầu tư công năm 2026 được giao, có giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt, sớm khắc phục các tồn tại, hạn chế để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, giải ngân vốn đầu tư công, đặc biệt là các dự án trọng điểm của xã. Đẩy mạnh công tác quy hoạch sử dụng đất; công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giải quyết nhanh các thủ tục về bồi thường giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch; định giá đất, tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất; quản lý và khai thác hiệu quả các nguồn lực đầu tư từ đất. Đẩy mạnh huy động xã hội hóa đầu tư phát triển, nâng cao vai trò quản lý nhà nước, tạo điều kiện, khuyến khích các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp tham gia đầu tư.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về hoạt động tín dụng ngân hàng trên địa bàn, đảm bảo an toàn, thông suốt, đáp ứng kịp thời, đầy đủ vốn cho nền kinh tế. Đẩy mạnh công tác huy động vốn, phát triển đa dạng các sản phẩm tín dụng ngân hàng phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh, tiêu dùng chính đáng của người dân và doanh nghiệp với lãi suất hợp lý để tháo gỡ khó khăn trong việc tiếp cận vốn phục vụ phục vụ sản xuất, kinh doanh của người dân và doanh nghiệp. Tăng cường hiệu quả, hiệu lực công tác giám sát hoạt động của tổ chức tín dụng; đẩy mạnh xử lý nợ xấu, nâng cao chất lượng tín dụng, ngăn ngừa, hạn chế tối đa nợ xấu mới phát sinh.

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia. Tập trung chỉ đạo quyết liệt, đẩy mạnh tiến độ giải ngân các nguồn vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia ngay từ đầu năm.

3.3. Đẩy mạnh phát triển sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực, sản phẩm

Đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng xây dựng nền nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất hàng hóa lớn. Phát triển nền nông nghiệp theo hướng thông minh, tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới. Phát triển chăn nuôi đại gia súc tại các bản

công tác phân luồng, định hướng, tạo điều kiện để học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp THPT và học nghề phù hợp với thị trường lao động, đáp ứng nhu cầu lao động phổ thông trên địa bàn xã.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyển dịch cơ cấu lao động. Đề nghị mở các lớp dạy nghề cho lao động nông thôn, ưu tiên đào tạo nhân lực cho các dân tộc thiểu số và các bản đặc biệt khó khăn bằng các hình thức phù hợp, đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

3.6. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên; tăng cường bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

Tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường trên địa bàn xã, đảm bảo quỹ đất cho đầu tư phát triển. Tập trung tháo gỡ khó khăn vướng mắc lĩnh vực tài nguyên và môi trường trong công tác giao đất, cho thuê đất, bồi thường, hỗ trợ, giải pháp mặt bằng các dự án trọng điểm; tăng cường công tác kiểm tra, việc chấp hành pháp luật lĩnh vực tài nguyên và môi trường đối với các tổ chức và cá nhân trên địa bàn xã. Nâng cao năng lực quản lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị và nông thôn, trọng tâm là việc phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn, nâng cao năng lực thu gom; tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa.

3.7. Xây dựng bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đi đôi với xác định vị trí việc làm. Đẩy mạnh kiểm tra để kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm sai phạm trong thực thi công vụ; tăng cường thực hiện văn hóa công vụ, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, đề cao trách nhiệm người đứng đầu; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra; triển khai đồng bộ các giải pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực một cách hiệu quả và không hình thức; kiên quyết ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp trong giải quyết công việc. Nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện nghiêm trách nhiệm tiếp công dân của người đứng đầu. Tiếp nhận, giải quyết kịp thời và công khai kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp.

3.8. Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

Giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội và an ninh biên giới, chú trọng kết hợp củng cố quốc phòng - an ninh với phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững, bảo đảm các điều kiện cơ bản về sản xuất, đời sống cho đồng bào các dân tộc ở các địa bàn trọng điểm; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh và huấn luyện quân sự; thực hiện hiệu quả quy chế phối hợp giữa các đơn vị với các ngành, các đoàn thể

trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự, nhất là trong đánh giá, dự báo tình hình. Triển khai các giải pháp đấu tranh trấn áp các loại tội phạm, vi phạm pháp luật về trật tự xã hội, về ma túy, về kinh tế, chức vụ, tham nhũng, môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm; tăng cường quản lý công tác phòng cháy chữa cháy, an toàn giao thông trên địa bàn xã; giải quyết triệt để, kịp thời những mâu thuẫn, tranh chấp, khiếu kiện trong nhân dân.

3.9. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và chủ động hội nhập quốc tế

Tăng cường công tác quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác đối ngoại, biên giới lãnh thổ. Tăng cường chỉ đạo công tác quản lý và bảo vệ biên giới, nắm chắc tình hình, kịp thời phát hiện, xử lý từ sớm, từ xa mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch; bảo đảm an ninh trật tự, phòng chống tội phạm ở vùng biên giới, đặc biệt chú trọng quan hệ hữu nghị với các xã, huyện giáp ranh của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện thắng lợi kế hoạch năm 2026 đã được phê duyệt.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND xã, các Tổ đại biểu HĐND xã và đại biểu HĐND xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. HĐND xã kêu gọi nhân dân các dân tộc, chiến sỹ các lực lượng vũ trang, cán bộ, viên chức nêu cao tinh thần yêu nước, đoàn kết, huy động mọi nguồn lực, vượt qua khó khăn thách thức, phấn đấu thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026.

Nghị quyết này đã được HĐND xã khóa XXI, Kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 18/12/2025 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh ứng cử tại xã;
- TT ĐU, HĐND, UBND xã;
- UBMTTQVN xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Các Đại biểu HĐND xã khóa XXI;
- Các cơ quan, ban ngành, các đơn vị liên quan;
- Lưu: VP, KT, Th.

CHỦ TỊCH



Đào Đình Thi

CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU NĂM 2026
(Kèm theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của HĐND xã Sốp Cộp)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước thực hiện năm 2025	Kế hoạch thực hiện năm 2026	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về kinh tế				
1.1	Thu ngân sách trên địa bàn	Triệu đồng	3.733,0	15.351,0	
1.2	Sản lượng một số loại cây trồng, sản phẩm chăn nuôi, thủy sản chủ yếu				
(1)	Cây lương thực có hạt	Tấn	6.042,0	6.042,0	
(2)	Tổng đàn gia súc	Con	15.247	15.247	
(3)	Thủy sản	Ha	132,2	132,2	
1.3	Số hộ, số lao động kinh tế cá thể tham gia hoạt động nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	Hộ	4.686,0	4.686,0	
1.4	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	22,9	23,7	
1.5	Tỷ lệ che phủ rừng ổn định đến năm 2030	%	48,5	48,5	
1.6	Số doanh nghiệp, công ty tư nhân có trụ sở, hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn đến năm 2030	Đơn vị	46,0	46,0	
2	Chỉ tiêu về xã hội, môi trường				
2.1	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia	%	66,7	50,0	
2.2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	%	19,61	Giảm bình quân tối thiểu 4%/năm	
2.3	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	99,0	98,0	
2.4	Chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới (Số bản đạt chuẩn nông thôn mới)	Bản	2,0	Duy trì, nâng cao các tiêu chí tại 02 bản đạt chuẩn nông thôn mới; Phân đấu số bản đạt dưới 05 tiêu chí: 16 bản, số bản đạt từ 5-10 tiêu chí: 14 bản, số bản từ 10-12 tiêu chí: 07 bản, số bản đạt từ 13-15 tiêu chí: 02 bản.	



STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước thực hiện năm 2025	Kế hoạch thực hiện năm 2026	Ghi chú
(1)	Số bản đạt chuẩn nông thôn mới	Bản	2,0	Duy trì, nâng cao các tiêu chí tại 02 bản đạt chuẩn nông thôn mới; Phân đầu số bản đạt dưới 05 tiêu chí: 16 bản, số bản đạt từ 5-10 tiêu chí: 14 bản, số bản từ 10-12 tiêu chí: 07 bản, số bản đạt từ 13-15 tiêu chí: 02 bản.	
2.5	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	%	97,0	100,0	
2.6	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	%	95,0	100,0	
2.7	Tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo trong tổng chi thường xuyên ngân sách hằng năm.	%	0,05	0,60	
2.8	Tỷ lệ số bản có băng rộng cố định.	%	63,0	70,7	
2.9	Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt	%	94,6	95,0	
2.10	Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	100,0	100,0	
	<i>trong đó, tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch</i>	%	50,3	50,6	
2.11	Tỷ lệ nhà văn hóa bản đạt chuẩn theo quy định	%	70,0	73,0	
	Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu "Gia đình văn hóa"	%	84,0	84,0	
2.12	Tỷ lệ khu dân cư, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền hoặc được ủy quyền quản lý đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự".	%			
(1)	Tỷ lệ cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự"	%	100,0	100,0	
(2)	Tỷ lệ khu dân cư, bản, xã đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự"	%	100,0	100,0	
2.13	Tỷ lệ khu dân cư (bản) đạt tiêu chuẩn "không có ma túy" đạt	%	80,5	90,2	



CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ TỔNG HỢP NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của HĐND xã Sốp Cộp)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước thực hiện năm 2025	Kế hoạch thực hiện năm 2026
1	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Triệu đồng		
2	Tổng thu ngân sách nhà nước	Triệu đồng	417.623,0	264.213,0
	Trong đó:	Triệu đồng		
-	Thu từ ngân sách cấp trên	Triệu đồng	413.890,0	248.862,0
-	Thu nội địa	Triệu đồng	3.733,0	15.351,0
3	Chi ngân sách địa phương	Triệu đồng	413.835,0	260.658,0
	Trong đó:	Triệu đồng		
-	Chi đầu tư phát triển do địa phương quản lý	Triệu đồng	127,7	1.445,0
-	Chi thường xuyên	Triệu đồng	413.707,3	259.213,0
4	Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn	Triệu đồng		

**CÁC CHỈ TIÊU NÔNG NGHIỆP, CÔNG NGHIỆP, DỊCH VỤ,
XUẤT KHẨU NĂM 2026**
(Kèm theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của HĐND xã Sốp Cộp)



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước thực hiện năm 2025	Kế hoạch thực hiện năm 2026
I	NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN			
1	Năng suất, sản lượng một số cây trồng chủ yếu trên địa bàn			
1.1	Cây lương thực có hạt			
-	Tổng diện tích	Ha	1.881,0	1.881,0
(1)	Cây Lúa: Diện tích	Ha	1.281,4	1.281,4
+	Năng suất	Tạ/ha	47,1	47,1
+	Sản lượng	Tấn	6.042,0	6.042,0
-	Lúa chiêm xuân: - Diện tích	Ha	334,4	334,4
-	Lúa mùa: - Diện tích		314,0	314,0
-	Lúa nương: - Diện tích	Ha	633,0	633,0
(2)	Cây ngô: Diện tích	Ha	357,3	357,3
+	Năng suất	Tạ/ha	40,8	40,8
+	Sản lượng	Tấn	1.458,6	1.458,6
1.2	Cây công nghiệp lâu năm chủ yếu			
(1)	Cây cà phê: Tổng diện tích	Ha	2.055,0	2.055,0
-	Diện tích trồng mới	Ha	1.403,8	1.403,8
-	Diện tích kinh doanh	Ha	651,2	651,2
(2)	Năng xuất	Tạ/ha		
-	Sản lượng cà phê nhân (khô)	Tấn		
1.3	Cây hàng năm, cây hoa màu chủ yếu			
(1)	Cây sắn			
-	Tổng diện tích	Ha	1.280,0	1.280,0
-	Năng suất	Tạ/ha	111,6	111,6
-	Sản lượng	Tấn	14.280,0	14.280,0
1.4	Cây ăn quả các loại			
(1)	Tổng diện tích	Ha	306,56	306,56
-	Cây Cam		70,0	70,0
-	Cây Quýt		92,0	92,0
-	Cây Bưởi		11,4	11,4
-	Cây Xoài		44,0	44,0
-	Các loại cây ăn quả khác		89,16	89,16
2	Lâm nghiệp			
	Tỷ lệ che phủ rừng	%	47,8	48,5
3	Chăn nuôi			
(1)	Đàn gia súc		15.247,0	15.247,0
-	Tổng đàn trâu	Con	2.553,0	2.553,0



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước thực hiện năm 2025	Kế hoạch thực hiện năm 2026
-	Tổng đàn bò	Con	3.670,0	3.670,0
-	Tổng đàn lợn (> 2 tháng tuổi)	Con	4.532,0	4.532,0
-	Tổng đàn ngựa	Con	58,0	58,0
-	Tổng đàn dê	Con	1.797,0	1.797,0
-	Tổng đàn chó	Con	2.637,0	2.637,0
(2)	Tổng đàn gia cầm các loại	Nghìn con	101,9	101,9
4	Thủy sản			
-	Diện tích nuôi trồng thủy sản	Ha	132,2	132,2
5	Phát triển nông thôn			
-	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	100	100
-	Số bản đạt chuẩn nông thôn mới	Tiêu chí	2	Duy trì, nâng cao các tiêu chí tại 02 bản đạt chuẩn nông thôn mới; Phân đầu số bản đạt dưới 05 tiêu chí: 16 bản, số bản đạt từ 5-10 tiêu chí: 14 bản, số bản từ 10-12 tiêu chí: 07 bản, số bản đạt từ 13-15 tiêu chí: 02 bản.

CÁC CHỈ TIÊU VỀ XÃ HỘI, GIẢM NGHÈO NĂM 2026
(Kèm theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của HĐND xã Sốp Cộp)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước thực hiện năm 2025	Kế hoạch thực hiện năm 2026
I	DÂN SỐ			
1	Dân số trung bình	Nghìn người	24	24
2	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	5,4	5,7
3	Mức giảm tỷ suất sinh	‰	4,9	4,8
4	Tỷ số giới tính khi sinh (số bé trai so với 100 bé gái)	%	132,9	111,0
II	LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM			
1	Tổng số lao động có việc làm	Người	12.232	12.280
2	Số người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động	Người	15.101	15.350
3	Tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội	%	100	100
4	Số lao động được giải quyết việc làm trong năm	Người	710	330
5	Tỷ lệ lao động thất nghiệp khu vực thành thị	%		
6	Số lao động nông nghiệp trong tổng số lao động'	Người	8.903	11.040
7	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động xã hội	%	81,0	80,0
8	Số lao động được đào tạo trong năm	Người	2.809	2.910
9	Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động	%	22,9	23,7
-	Trong đó: Tỷ lệ lao động được cấp bằng, chứng chỉ	%	18,0	19,0
III	GIẢM NGHÈO			
1	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm bình quân/năm		19,61	Giảm bình quân tối thiểu 4%/năm
IV	CUNG CẤP DỊCH VỤ VÀ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU			
1	Tỷ lệ hộ gia đình được dùng điện sinh hoạt	%	99,89	99,89
	Trong đó: Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng điện sinh hoạt an toàn	%	98,53	98,53

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước thực hiện năm 2025	Kế hoạch thực hiện năm 2026
-	Tỷ lệ dân số nông thôn được cấp nước hợp vệ sinh	%		
-	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch	%	89,2	89,80
-	Tỷ lệ đô thị hóa	%		
V	Y TẾ			
1	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	99,0	98,0
2	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm xã hội		8,7	9,0
3	Số người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	Người	1.936	1.936
4	Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	%	8,2	8,2
5	Số xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Xã	1,0	1,0
6	Tỷ lệ xã/phường đạt tiêu chí quốc gia về y tế	%	1,0	1,0
7	Số giường bệnh/10.000 dân	Giường	5,0	1,0
8	Số bác sỹ/10.000 dân	Bác sỹ	1,0	1,0
9	Tỷ lệ trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sỹ làm việc	%	100	100
10	Số ca nhiễm HIV được phát hiện trên 100.000 dân	Ca	1,0	1,0
11	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng:	%	45,1	45,0
-	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao/tuổi)	%	30,0	30,0
-	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân/tuổi	%	10,2	10,2
-	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể gầy còm.	%	4,8	4,8
12	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	%	95,0	96,0
VI	VĂN HÓA - THỂ THAO			
1	Tỷ lệ tiêu khu, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hoá	%	70,0	72,0
2	Tỷ lệ gia đình đạt danh hiệu "Gia đình văn hoá"	%	84,0	84,0
3	Tỷ lệ dân số tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên	%	34,0	34,0
4	Số câu lạc bộ thể dục thể thao	CLB	34,0	34,0
5	Tỷ lệ hộ gia đình đạt gia đình thể thao	%	31,0	31,0
6	Số huy chương đạt được	HC	-	30,0
7	Số vận động viên đẳng cấp quốc gia	VĐV	-	-
VII	THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG			



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước thực hiện năm 2025	Kế hoạch thực hiện năm 2026
1	Thời lượng phát thanh bằng tiếng dân tộc	Giờ/năm	-	-
2	Số hộ xem được Đài THVN	Hộ	4.200	4.400
3	Tỷ lệ hộ xem được Đài THVN	%	75,0	80,0
4	Số hộ nghe được Đài TNVN	Hộ	4.600	5.000
5	Tỷ lệ hộ nghe được Đài TNVN	%	83,0	89,0
6	Tỷ lệ người sử dụng internet	%	78,7	80,0
VIII	GIÁO DỤC			
1	Tổng số học sinh đầu năm học	Học sinh	8.868	9.020
-	Mầm non	Học sinh	1.772	1.778
	TĐ: Học sinh nữ	Học sinh	820	823
-	Tiểu học	Học sinh	2.913	2.904
	TĐ: Học sinh nữ	Học sinh	1.387	1.375
-	Trung học cơ sở	Học sinh	2.240	2.267
	TĐ: Học sinh nữ	Học sinh	1.052	1.079
-	Trung học phổ thông	Học sinh	1.458	1.478
-	Trung học phổ thông chương trình GDTX	Học sinh	485	593
2	Tổng số học sinh dân tộc thiểu số	Học sinh	8.294	8.493
	<i>Chia ra:</i>			
-	Mầm non	Học sinh	1.681	1.665
-	Tiểu học	Học sinh	2.725	2.682
-	Trung học cơ sở	Học sinh	2.083	2.079
-	Trung học phổ thông	Học sinh	1.805	2.067
	TĐ: Học sinh nữ	Học sinh	3.820	3.906
3	Tỷ lệ huy động số trẻ trong độ tuổi ra nhà trẻ	%	44,4	46,0
4	Tỷ lệ huy động số trẻ trong độ tuổi mẫu giáo ra lớp	%	100	99,6
	TĐ: Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi đi học mẫu giáo	%	100	100
5	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi:	%	95,7	96,0
-	Tiểu học	%	96,4	96,2
-	Trung học cơ sở	%	94,8	96,2
6	Tỷ lệ học sinh hoàn thành bậc tiểu học	%	96,6	96,8
7	Số xã đạt chuẩn phổ cập THCS	Xã	1,0	1,0
8	Tỷ lệ xã đạt chuẩn phổ cập THCS	%	100	100
9	Số xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi	Xã	1,0	1,0
10	Số trường đạt chuẩn quốc gia	Trường	6,0 (6/9 trường)	5,0 (5/10 trường)
11	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn	%	66,7	50

CÁC CHỈ TIÊU VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NĂM 2026
(Kèm theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của HĐND xã Sốp Cộp)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước thực hiện năm 2025	Kế hoạch thực hiện năm 2026
1	2	3	4	5
1	Tỷ lệ dân số được sử dụng nước hợp vệ sinh		100,0	100,0
-	Khu vực thành thị	%		
-	Khu vực nông thôn	%	100,0	100,0
2	Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được xử lý	%	96,1	96,3
3	Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom	%	96,1	96,3
4	Tỷ lệ chất thải rắn ở nông thôn được thu gom	%	31,0	32,0
5	Tỷ lệ che phủ rừng ổn định	%	47,8	48,5